| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THÁI THỤY**<br>TỈNH THÁI BÌNH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 44/2023/HNGĐ- ST
Ngày 28- 07- 2023
V/v Ly hôn giữa chị Y1 và anh T1.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tòng.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1.Ông Phan Văn Tiến;
2. Bà Vũ Thị Thúy.
*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 28 tháng 07 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 87/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2023 giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Y1, sinh năm 1997; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Xóm H1, xã D1, huyện D2, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Anh T1, sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Thôn H2, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 27- 04- 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Y1 trình bày: Chị và anh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn; đã được Ủy ban nhân dân xã T2 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 21 tháng 12 năm 2020. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng có tính cách khác nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn nên từ tháng 12 năm 2021, chị đã đưa con chung về nhà bố mẹ chị ở huyện D2, tỉnh Nghệ An sinh sống. Từ đó vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Chị xác định: Vợ chồng đã mâu thuẫn trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có nguyện vọng ly hôn anh T1. Hiện nay, chị không mang thai. Vợ chồng có 01 con chung là T4, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2021. Hiện con chung đang sống cùng chị. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung; yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng: 3.500.000đồng/tháng. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ chung vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 05 năm 2023; trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh T1 trình bày: Anh và chị Y1 tự nguyện đăng ký kết hôn; đã được Ủy ban nhân dân xã T2 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 21 tháng 12 năm 2020. Trong quá trình chung sống, từ tháng 10 năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, do khó khăn về kinh tế, vợ chồng cãi nhau. Từ ngày 20 tháng 10 năm 2022, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y1. Vợ chồng có 01 con chung là T4, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2021- Hiện con chung đang sống cùng chị Y1. Anh đồng ý để chị Y1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 3.500.000đồng/tháng. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ chung vợ chồng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Do vụ án hòa giải không thành nên phải đưa ra xét xử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:** Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**[2]. Về quan hệ hôn nhân:** Việc kết hôn giữa chị Y1 và anh T1 là tự nguyện và hợp pháp. Khi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị Y1, anh T1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi Tòa án tiến hành hòa giải, chị Y1, anh T1 thuận tình ly hôn nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn của chị Y1 và anh T1.

**[3].Về việc nuôi dưỡng con chung, về cấp dưỡng**:

**[3.1].Về việc nuôi dưỡng con chung**: Vợ chồng chị Y1, anh T1 có một con chung là T4, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2021. Đến ngày xét xử, con chung của anh chị chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện đang sống cùng chị Y1. Quá trình hòa

giải, chị Y1, anh T1 thỏa thuận: Chị Y1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thỏa thuận: Chị Y1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung T4.

**[3.2].Về cấp dưỡng**: Chị Y1 yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung 3.500.000đồng/tháng. Khi Tòa án hòa giải, anh T1 không đồng ý thỏa thuận với chị Y1 về mức cấp dưỡng nuôi con chung; anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quyết định của Tòa án. Sau khi Tòa án ra quyết định xét xử, anh T1 xác định: Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.500.000đồng/tháng như chị Y1 đề nghị. Vì vậy, cần áp dụng Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.500.000đồng của anh T1. Các đương sự có quyền khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung, nếu có yêu cầu.

**[4]. Về tài sản chung**: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu nên không đặt ra án giải quyết.

**[5]. Về án phí:** Nguyên đơn là chị Y1 phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là anh T1 phải nộp 300.000đồng tiền cấp dưỡng định kỳ.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

**1.Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Y1 và anh T1.

**2. Về con chung**: -Vợ chồng chị Y1- anh T1 có một con chung là T4, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2021.

-Xử: Công nhận thỏa thuận giữa chị Y1 và anh T1: Chị Y1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung T4, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2021.

-Xử: Chấp nhận anh T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.500.000đồng/1tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

**3. Về tài sản chung**: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:** -Chị Y1 phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005317 ngày 27 tháng 04 năm 2023 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái

Bình. Chị Y1 đã nộp đủ án phí.

-Anh T1 phải nộp 300.000đồng cấp dưỡng định kỳ.

**5.Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

**6.Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án:** Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải thanh toán cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

-Đương sự;
-Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình;
-VKDND huyện Thái Thụy;
-Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Tòng**